

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 09/2017/HS-ST
Ngày 29 - 6 - 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH NAM ĐỊNH**

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Công.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lê Anh Tuấn
2. Bà Phạm Thị Ngọc Lan

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Công Thương – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2017, tại hội trường của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2017/ HS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/HSST-QĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 đối với:

Bị cáo: Phan Huy D, sinh ngày 12/11/1998; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi ở: thôn H, xã T, huyện M, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/10; bố đẻ không xác định; con bà Trần Thị H sinh năm 1980; tiền sự: không; tiền án: không; nhân thân: ngày 31/3/2014 bị Công an phường L, thành phố N phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản; bị giam giữ từ ngày 07/4/2017 đến nay. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Nguyễn H T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định.(Có mặt)
2. Ông Trịnh Bá T – Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định.(Có mặt)

Người bị hại:

1. Bà Vũ Thị Th sinh năm 1948. (vắng mặt)
 2. Chị Trần Thị H sinh năm 1975. (vắng mặt)
 3. Chị Trần Thị Thu T sinh năm 1996. (vắng mặt)
- Đều trú tại: Thôn V, xã P, huyện M, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do quen biết Trần Danh T con chị Trần Thị H nên Phan Huy D thông thạo lối đi lại và thói quen sinh hoạt của gia đình chị H. Khoảng 23 giờ ngày 27/3/2017, D đi bộ đến nhà chị H, lợi dụng lúc gia đình chị H ngủ say, D trèo vào trong nhà chị H. D vào phòng ngủ của Trần Thị Thu T (con dâu chị H) lục tìm tài sản lấy được 1.200.000 đồng. D đi tìm tài sản ở phòng khác và lấy được ở túi quần của chị H để trên tay vịn lan can 3.800.000 đồng rồi trèo ra ngoài. Quá trình điều tra còn xác định được đêm ngày 20 rạng sáng 21/6/2016, D đã trèo vào nhà chị H rồi vào phòng ngủ của bà Vũ Thị Th (mẹ đẻ chị H) lấy được 7.000.000 đồng. D đã tiêu xài hết số tiền trên. Nay bà Th, chị H, chị T không yêu cầu D phải bồi thường gì và đều có đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho D.

Vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của D một ví giả da màu đen và 1.000 đồng.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Trợ giúp viên pháp lý và Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định nhất trí với Cáo trạng truy tố bị cáo, phân tích hoàn cảnh của bị cáo, nguyên nhân phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt thấp nhất của điều luật.

Cáo trạng số 10/CTr-KSĐT ngày 31 tháng 5 năm 2017 của VKSND huyện M truy tố Phan Huy D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố Phan Huy D phạm tội “Trộm cắp tài sản” .

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự: Xử phạt Phan Huy D từ 06 tháng đến 09 tháng tù tính từ ngày 07 tháng 4 năm 2017. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 1.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án. Tịch thu tiêu hủy chiếc ví giả da của bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội cải tạo thành công dân có ích cho xã hội .

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra

viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ khác như: Lời khai của người bị hại, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường ... Như vậy đã đủ cơ sở khẳng định: Vào đêm ngày 20 rạng sáng ngày 21/6/2016 và đêm ngày 27/3/2017 Phan Huy D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng số tiền là 12.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng do không chịu tu dưỡng, thích ăn chơi, đua đòi, muốn có tiền tiêu sài nhưng không chịu lao động nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo đã gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo cải tạo giáo dục đối với bị cáo và giáo dục răn đe phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau: Tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt không xác định được bố đẻ, mẹ bỏ rơi không quan tâm, từ nhỏ phải ở nhờ họ hàng. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm o khoản 1 Điều 46 là không có căn cứ vì bị cáo trộm cắp 7.000.000 đồng của bà Vũ Thị Th đã bị gia đình phát hiện và xác định là do bị cáo gây ra nên không thể coi đó là việc bị cáo tự thú. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999.

Bị cáo Phan Huy D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Vũ Thị Th khi bị cáo là người chưa thành niên. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại các Điều 69, 74 Bộ luật hình sự 1999 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Qua đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian.

Trách nhiệm dân sự: Bà Vũ Thị Th, chị Trần Thị H, chị Trần Thị Thu T không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Vật chứng: Chiếc ví giả da của bị cáo không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy. Trả lại cho bị cáo 1.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phan Huy D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự: Xử phạt Phan Huy D 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2017.

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 1.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án. Tịch thu tiêu hủy chiếc ví giả da có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/6/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

4. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Phan Huy D phải nộp 200.000 đồng.

Trong hạn 15 ngày: bị cáo Phan Huy D có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án, bà Vũ Thị Th, chị Trần Thị H, chị Trần Thị Thu T có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 1 bản
- VKSND huyện M: 2 bản
- CA huyện M: 2 bản
- Chi cục THADS huyện M: 1 bản
- UBND xã T: 1 bản
- Bị cáo: 1 bản
- Người bị hại: 3 bản
- Lưu HSVA; VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Công